

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 202/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được chuyển nguồn sang năm 2024; sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của HĐND tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 401/TTr-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15, sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 505/BC-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được chuyển nguồn sang năm 2024 của các đơn vị, địa phương với tổng số tiền **13.377,593 triệu đồng**, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 40,8 triệu đồng (Ngân sách Trung ương).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 5.714,713 triệu đồng (Ngân sách Trung ương).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 7.622,08 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 7.172,080 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 450 triệu đồng); (Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo).

Điều 2. Sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng thứ 2, mục VII: từ “Hỗ trợ xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình áp dụng công nghệ sinh thái (thiết bị bằng vật liệu Composite... có sử dụng chế phẩm sinh học) tại các xã chưa đạt chuẩn, xã phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu” thành: “Hỗ trợ xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình tại các xã”.

- Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng thứ 3, mục VII: từ “Hỗ trợ xử lý rác thải sinh hoạt bằng chế phẩm sinh học tạo phân hữu cơ vi sinh điểm tập trung” thành: “Hỗ trợ xử lý rác thải sinh hoạt bằng chế phẩm sinh học tạo phân hữu cơ tại hộ gia đình”; (Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh uỷ; Đoàn ĐBQH và HĐND; UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH3.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01
ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CHƯA GIẢI NGÂN HẾT TRONG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	1. Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024			2. Kinh phí điều chỉnh giảm			3. Tổng kinh phí điều chỉnh tăng			4. Tổng kinh phí sau điều chỉnh			Ghi chú
	Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
Tổng cộng	22,380.762	21,296.899	1,083.863	13,377.593	12,927.593	450.000	13,377.593	12,927.593	450.000	22,380.762	21,296.899	1,083.863	
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	84.072	84.072	0.000	40.800	40.800	0.000	40.800	40.800	0.000	84.072	84.072	0.000	
Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em	84.072	84.072	0.000	40.800	40.800	0.000	40.800	40.800	0.000	84.072	84.072	0.000	
Hội liên hiệp phụ nữ Hà Tĩnh	84.072	84.072		40.800	40.800		0.000			43.272	43.272	0.000	
Hội liên hiệp phụ nữ huyện Hương Khê	0.000			0.000			40.800	40.800		40.800	40.800	0.000	
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	5,714.713	5,714.713	0.000	5,714.713	5,714.713	0.000	5,714.713	5,714.713	0.000	5,714.713	5,714.713	0.000	
Nội dung thành phần số 03 của Chương trình: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn...	465.000	465.000	0.000	465.000	465.000	0.000	500.000	500.000	0.000	500.000	500.000	0.000	
Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường	165.000	165.000	0.000	165.000	165.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
Thị xã Hồng Lĩnh	165.000	165.000		165.000	165.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
Mô hình trồng cây dược liệu theo Đề án của huyện Hương Sơn	300.000	300.000	0.000	300.000	300.000	0.000	300.000	300.000	0.000	300.000	300.000	0.000	
UBND xã Sơn Lâm, huyện Hương Sơn	300.000	300.000		300.000	300.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
UBND huyện Hương Sơn	0.000			0.000	0.000		300.000	300.000		300.000	300.000	0.000	
Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	200.000	200.000	0.000	200.000	200.000	0.000	
Xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm cho các HTX trên địa bàn tỉnh	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	200.000	200.000	0.000	200.000	200.000	0.000	
Liên minh hợp tác xã	0.000			0.000			200.000	200.000		200.000	200.000	0.000	
Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	300.000	300.000	0.000	300.000	300.000	0.000	

Nội dung	1. Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024			2. Kinh phí điều chỉnh giảm			3. Tổng kinh phí điều chỉnh tăng			4. Tổng kinh phí sau điều chỉnh			Ghi chú
	Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
Hỗ trợ xây dựng mô hình thôn thông minh	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	
Thôn 2, xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn	150.000	150.000		150.000	150.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
UBND xã Quang Vinh, huyện Đức Thọ	0.000			0.000			150.000	150.000		150.000	150.000	0.000	
Hỗ trợ xây dựng xã thông minh	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	
UBND xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn	0.000			0.000	0.000		150.000	150.000		150.000	150.000	0.000	
Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	980.000	980.000	0.000	980.000	980.000	0.000	45.000	45.000	0.000	45.000	45.000	0.000	
Kinh phí thuê phần mềm đánh giá phân hạng sản phẩm	45.000	45.000	0.000	45.000	45.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	45.000	45.000		45.000	45.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
Đào tạo, tập huấn Chương trình OCOP	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	45.000	45.000	0.000	45.000	45.000	0.000	
Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	0.000			0.000	0.000		45.000	45.000		45.000	45.000	0.000	
Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm	935.000	935.000	0.000	935.000	935.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
Huyện Đức Thọ	935.000	935.000		935.000	935.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	525.467	525.467	0.000	525.467	525.467	0.000	
Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	525.467	525.467	0.000	525.467	525.467	0.000	
UBND xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	0.000			0.000			125.467	125.467		125.467	125.467	0.000	
UBND thị xã Hồng Lĩnh (hỗ trợ xây dựng Ngôi nhà trí tuệ)	0.000			0.000			165.000	165.000		165.000	165.000	0.000	
UBND xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ	0.000			0.000			235.000	235.000		235.000	235.000	0.000	
Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	3.855.000	3.855.000	0.000	3.855.000	3.855.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
Mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng phân loại, thu gom, xử lý chất thải hữu cơ thành phân bón hữu cơ tại địa điểm tập trung	1.000.000	1.000.000	0.000	1.000.000	1.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
UBND xã Kỳ Đồng	1.000.000	1.000.000		1.000.000	1.000.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
Mô hình trồng nấm rơm công nghệ cao, trên cơ sở sử dụng phụ phẩm rơm rạ để làm nguyên liệu sản xuất nấm rơm	600.000	600.000	0.000	600.000	600.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
Trung tâm UDKHKT&BVCTVN huyện Kỳ Anh	600.000	600.000		600.000	600.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại hộ gia đình để đánh giá và nhân ra diện rộng	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
Sở Tài nguyên và Môi trường	150.000	150.000		150.000	150.000		0.000			0.000	0.000	0.000	

Nội dung	1. Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024			2. Kinh phí điều chỉnh giảm			3. Tổng kinh phí điều chỉnh tăng			4. Tổng kinh phí sau điều chỉnh			Ghi chú
	Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
Mô hình xây dựng hệ thống cấp nước nhỏ lẻ cấp nước sạch cho cụm, hộ gia đình phục vụ sinh hoạt xã Điền Mỹ	700.000	700.000	0.000	700.000	700.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
UBND huyện Hương Khê	700.000	700.000		700.000	700.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
Vốn phân bổ để khởi động triển khai thực hiện các mô hình điểm sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt danh mục (Chưa PB chi tiết)	1,405.000	1,405.000		1,405.000	1,405.000		0.000			0.000	0.000	0.000	
Dự án thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối vùng miền	264.713	264.713	0.000	264.713	264.713	0.000	1,239.246	1,239.246	0.000	1,239.246	1,239.246	0.000	
Nội dung 09: Tăng cường hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	1,239.246	1,239.246	0.000	1,239.246	1,239.246	0.000	
Hỗ trợ thiết lập Đài mới bằng Đài ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	1,239.246	1,239.246	0.000	1,239.246	1,239.246	0.000	
UBND xã Lộc Yên, huyện Hương Khê	0.000			0.000			350.000	350.000		350.000	350.000	0.000	
UBND xã Hương Vinh, huyện Hương Khê	0.000			0.000			350.000	350.000		350.000	350.000	0.000	
UBND xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn	0.000			0.000			139.246	139.246		139.246	139.246	0.000	
UBND xã Lâm Trung Thủy, huyện Đức Thọ	0.000			0.000			400.000	400.000		400.000	400.000	0.000	
Xây dựng hệ thống truyền thanh thông minh (biên soạn lời phát thanh, chuyển file văn bản thành giọng nói và các tính năng thông minh khác)	264.713	264.713	0.000	264.713	264.713	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
UBND xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn	139.246	139.246		139.246	139.246		0.000			0.000	0.000	0.000	
UBND xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	125.467	125.467		125.467	125.467		0.000			0.000	0.000	0.000	
Dự án thành phần số 5: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân nông thôn	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	2,865.000	2,865.000	0.000	2,865.000	2,865.000	0.000	
Nội dung 01: Tiếp tục nâng cao chất lượng phát triển giáo dục ở nông thôn	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	2,865.000	2,865.000	0.000	2,865.000	2,865.000	0.000	
Chi hỗ trợ công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	2,865.000	2,865.000	0.000	2,865.000	2,865.000	0.000	
Sở Giáo dục và Đào tạo	0.000			0.000			2,865.000	2,865.000		2,865.000	2,865.000	0.000	
Dự án thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	90.000	90.000	0.000	90.000	90.000	0.000	
Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	90.000	90.000	0.000	90.000	90.000	0.000	

Nội dung	1. Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024			2. Kinh phí điều chỉnh giảm			3. Tổng kinh phí điều chỉnh tăng			4. Tổng kinh phí sau điều chỉnh			Ghi chú
	Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
Xây dựng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, khu dân cư kiểu mẫu tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà.	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	90.000	90.000	0.000	90.000	90.000	0.000	
Hội Nông dân tỉnh	0.000			0.000			90.000	90.000		90.000	90.000	0.000	
Nội dung thành phần số 11: tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	
Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	150.000	150.000	0.000	150.000	150.000	0.000	
UBND huyện Đức Thọ	0.000			0.000			150.000	150.000		150.000	150.000	0.000	
Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững	16,581.977	15,498.114	1,083.863	7,622.080	7,172.080	450.000	7,622.080	7,172.080	450.000	16,581.977	15,498.114	1,083.863	
Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	4,257.403	4,009.000	248.403	1,712.000	1,600.000	112.000	5,033.830	4,660.830	373.000	7,579.233	7,069.830	509.403	
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4,244.000	4,009.000	235.000	1,712.000	1,600.000	112.000	0.000			2,532.000	2,409.000	123.000	
Thị xã Hồng Lĩnh	6.820	0.000	6.820	0.000			1,204.950	1,097.950	107.000	1,211.770	1,097.950	113.820	
Huyện Thạch Hà	2.630	0.000	2.630	0.000			386.880	326.880	60.000	389.510	326.880	62.630	
Huyện Cẩm Xuyên	3.953	0.000	3.953	0.000			2,712.000	2,554.000	158.000	2,715.953	2,554.000	161.953	
Huyện Lộc Hà	0.000	0.000	0.000	0.000			730.000	682.000	48.000	730.000	682.000	48.000	
Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	2,643.710	2,458.710	185.000	1,626.160	1,514.160	112.000	700.000	700.000	0.000	1,717.550	1,644.550	73.000	
Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	2,298.000	2,140.000	158.000	1,506.000	1,403.000	103.000	700.000	700.000	0.000	1,492.000	1,437.000	55.000	
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn)	270.000	245.000	25.000	165.000	150.000	15.000	0.000			105.000	95.000	10.000	
Thành phố Hà Tĩnh	1,145.000	1,070.000	75.000	458.000	428.000	30.000	0.000			687.000	642.000	45.000	
Thị xã Hồng Lĩnh	883.000	825.000	58.000	883.000	825.000	58.000	0.000			0.000			
Huyện Lộc Hà	0.000	0.000	0.000	0.000			700.000	700.000	0.000	700.000	700.000	0.000	
Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	345.710	318.710	27.000	120.160	111.160	9.000	0.000	0.000	0.000	225.550	207.550	18.000	
Trung tâm kiểm soát bệnh tật	236.660	224.660	12.000	77.610	77.610		0.000			159.050	147.050	12.000	
TX Hồng Lĩnh	109.050	94.050	15.000	42.550	33.550	9.000	0.000			66.500	60.500	6.000	
Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4,410.280	4,080.280	330.000	3,226.280	3,032.280	194.000	0.000	0.000	0.000	1,184.000	1,048.000	136.000	

Nội dung	1. Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024			2. Kinh phí điều chỉnh giảm			3. Tổng kinh phí điều chỉnh tăng			4. Tổng kinh phí sau điều chỉnh			Ghi chú
	Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	2,659.280	2,444.280	215.000	1,496.280	1,396.280	100.000	0.000	0.000	0.000	1,163.000	1,048.000	115.000	
Thị xã Hồng Lĩnh	975.400	905.400	70.000	279.400	239.400	40.000	0.000			696.000	666.000	30.000	
Huyện Thạch Hà	386.880	326.880	60.000	386.880	326.880	60.000	0.000			0.000			
Huyện Lộc Hà	1,297.000	1,212.000	85.000	830.000	830.000	0.000	0.000			467.000	382.000	85.000	
Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1,751.000	1,636.000	115.000	1,730.000	1,636.000	94.000	0.000	0.000	0.000	21.000	0.000	21.000	
Huyện Cẩm Xuyên	1,021.000	954.000	67.000	1,000.000	954.000	46.000	0.000			21.000	0.000	21.000	
Huyện Lộc Hà	730.000	682.000	48.000	730.000	682.000	48.000	0.000			0.000	0.000	0.000	
Dự án 6: Truyền Thông và giảm nghèo về thông tin	600.000	600.000	0.000	193.640	193.640	0.000	945.640	897.640	48.000	1,352.000	1,304.000	48.000	-
Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	752.000	704.000	48.000	752.000	704.000	48.000	
Thành phố Hà Tĩnh	0.000			0.000			458.000	428.000	30.000	458.000	428.000	30.000	
Thị xã Kỳ Anh	0.000			0.000			50.000	46.000	4.000	50.000	46.000	4.000	
Huyện Cẩm Xuyên	0.000			0.000			214.000	200.000	14.000	214.000	200.000	14.000	
Huyện Lộc Hà	0.000			0.000			30.000	30.000	0.000	30.000	30.000	0.000	
Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo	600.000	600.000	0.000	193.640	193.640	0.000	193.640	193.640	0.000	600.000	600.000	0.000	
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	600.000	600.000	0.000	193.640	193.640	0.000	0.000			406.360	406.360	0.000	
Báo Hà Tĩnh	0.000			0.000			143.640	143.640		143.640	143.640		
TX. Kỳ Anh	0.000	0.000	0.000	0.000			50.000	50.000	0.000	50.000	50.000		
Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	4,670.584	4,350.124	320.460	864.000	832.000	32.000	942.610	913.610	29.000	4,749.194	4,431.734	317.460	
Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	2,974.528	2,715.368	259.160	764.000	739.000	25.000	693.610	680.610	13.000	2,904.138	2,656.978	247.160	
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2,967.368	2,715.368	252.000	764.000	739.000	25.000	0.000		0.000	2,203.368	1,976.368	227.000	
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn)	0.000	0.000	0.000	0.000			66.000	60.000	6.000	66.000	60.000	6.000	
Trung tâm kiểm soát bệnh tật	0.000			0.000			77.610	77.610	0.000	77.610	77.610		
Hội Nông dân tỉnh	0.000			0.000			400.000	400.000	0.000	400.000	400.000		
TX. Kỳ Anh	0.000	0.000	0.000	0.000			100.000	93.000	7.000	100.000	93.000	7.000	
Huyện Lộc Hà	7.160	0.000	7.160	0.000			50.000	50.000	0.000	57.160	50.000	7.160	
Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình	1,696.056	1,634.756	61.300	100.000	93.000	7.000	249.000	233.000	16.000	1,845.056	1,774.756	70.300	
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1,694.970	1,633.670	61.300	100.000	93.000	7.000	0.000			1,594.970	1,540.670	54.300	
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn)	0.000	0.000	0.000	0.000			99.000	90.000	9.000	99.000	90.000	9.000	

Nội dung	1. Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024			2. Kinh phí điều chỉnh giảm			3. Tổng kinh phí điều chỉnh tăng			4. Tổng kinh phí sau điều chỉnh			Ghi chú
	Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		Cộng	Trong đó:		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
Thị xã Kỳ Anh	0.000	0.000	0.000	0.000			100.000	93.000	7.000	100.000	93.000	7.000	
Huyện Lộc Hà	1.086	1.086	0.000	0.000			50.000	50.000	0.000	51.086	51.086	0.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

Sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của
(Kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của HĐND tỉnh	Nội dung sửa đổi
VII	Nâng cao chất lượng môi trường	Nâng cao chất lượng môi trường
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình áp dụng công nghệ sinh thái (thiết bị bằng vật liệu Composite... có sử dụng chế phẩm sinh học) tại các xã chưa đạt chuẩn, xã phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Hỗ trợ xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình tại các xã <i>(theo Phụ lục 3.3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của HĐND tỉnh)</i>
-	Hỗ trợ xử lý rác thải sinh hoạt bằng chế phẩm sinh học tạo phân hữu cơ vi sinh điểm tập trung (08 xã còn lại chưa đạt chuẩn)	Hỗ trợ xử lý rác thải sinh hoạt bằng chế phẩm sinh học tạo phân hữu cơ tại hộ gia đình <i>(tại 7 xã còn lại thuộc huyện Hương Khê chưa thực hiện xây dựng điểm xử lý rác tập trung gồm: Hương Lâm, Hà Linh, Hương Thủy, Phúc Đồng, Điền Mỹ, Hương Bình, Hương Liên), mỗi xã 50 triệu đồng. Riêng xã Hoà Hải đã thực hiện theo NQ 85</i>

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH